

BẢN TIN VỀ KẾT QUẢ QUAN TRẮC HIỆN TRƯỜNG

Tháng: 1

1. Tên nhiệm vụ: Giám sát, dự báo chất lượng nước trong hệ thống công trình thủy lợi Bắc Nam Hà, phục vụ lấy nước sản xuất nông nghiệp

2. Ngày quan trắc: 28 – 29/1/2022

Ngày cung cấp TT: 29/1/2022

3. Tình trạng hoạt động của các công khi lấy mẫu:

STT	Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Tình trạng hoạt động của công
1	1	Công Như Trác	Công mở
2	2	Công Hữu Bị	Công đóng
3	3	Công Cốc Thành	Công mở
4	4	Công sông Chanh	Công mở
5	5	Công Nhâm Tràng	Công đóng
6	6	Công Kinh Thanh	Công đóng
7	7	Công Cỏ Đam	Công đóng
8	8	Công Vĩnh Trị	Công mở
9	12	Đập An Bài (sông Châu Giang)	Đập đóng
10	13	TB Triệu Xá (sông Châu Giang)	Công đóng
11	16	Đập Vùa (CG12)	Đập đóng

4. Tổng số vị trí các điểm quan trắc: 20 vị trí

5. Đơn vị thực hiện: Phòng Thí nghiệm và Tư vấn quản lý CLN, Môi trường – Viện Quy hoạch Thủy lợi

Người cung cấp thông tin: Trịnh Xuân Hoàng – Trưởng phòng

6. Đơn vị nhận thông tin: Tổng cục Thủy lợi, Công ty TNHH MTV khai thác công trình thủy lợi Bắc Nam Hà, Công ty TNHH MTV khai thác công trình thủy lợi Hà Nam, Chi cục thủy lợi Hà Nam.

KẾT QUẢ QUAN TRẮC HIỆN TRƯỜNG

Bảng tóm tắt:

Căn cứ theo các quy chuẩn: QCVN 08:2015 và kết quả đo đạc tại hiện trường, nhận định về chất lượng nước tại các vị trí quan trắc theo các mức như sau:

Các vị trí đạt giới hạn A1: Dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt (sau khi áp dụng xử lý thông thường), bảo tồn động thực vật thủy sinh: **Cống Sông Chanh, Cổng Cổ Đàm, Đầu kênh C9, Đập La Chợ, Đầu kênh C19 (Kênh tiêu sông Chanh), Đầu kênh T6.**

Các vị trí đạt giới hạn A2: Dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt nhưng phải áp dụng công nghệ xử lý phù hợp: **Các vị trí đạt giới hạn trên, Cổng Như Trác, Cổng Hữu Bị.**

Các vị trí đạt giới hạn B1: Dùng cho mục đích tưới tiêu thủy lợi hoặc các mục đích sử dụng khác có yêu cầu chất lượng tương tự: **Các vị trí đạt giới hạn trên, Cổng Cốc Thành, Cổng Nhâm Tràng, Cổng Kinh Thanh, Cổng Vĩnh Trị, Đầu kênh T3, Cầu đường 10 với sông Sắt, Đập An Bài (sông Châu Giang), TB Triệu Xá (sông Châu Giang), Cầu Yên Trung (kênh Kinh Thủy).**

Các vị trí đạt giới hạn B2: Dùng cho giao thông thủy và các mục đích khác với yêu cầu chất lượng nước thấp: **Các vị trí đạt các giới hạn trên, Đầu kênh S48, Đập Vùa (CG12), Cầu Chũ (sông Châu Giang).**

Các vị trí không đạt các giới hạn trên: Không dùng được cho các mục đích trên:

Tiếp tục thực hiện mở các cống khi mực nước ngoài sông cao tăng cường khả năng tháo rửa hệ thống và tích nước phục vụ sản xuất.

Bảng chi tiết:

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường								Ghi chú, nhận xét, khuyến nghị
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)	Độ dẫn (mS/cm)	
<i>QCVN 08:2015 A1</i>				6 – 8.5		6		0.3	2		
<i>QCVN 08:2015 A2</i>				6 – 8.5		5		0.3	5		
<i>QCVN 08:2015 B1</i>				5.5 – 9		4		0.9	10		
<i>QCVN 08:2015 B2</i>				5.5 – 9		2		0.9	15		
1	Cổng Như Trác	Đánh giá nhanh chất lượng nước hệ thống kênh Như Trác tưới cho khu vực Huyện Lý Nhân và phần Bắc huyện Bình Lục.	Trời nắng nhẹ, t° = 23°C, độ ẩm 88%, gió ĐB 14 km/h, mật độ mây 79%. Cống mở, đang tiêu nước ra sông, dòng chảy vừa. Nước màu	7.18	60.2	5.22	0.1	0.264	0.909	327	Giá trị các chỉ tiêu hiện trường nằm trong giới hạn cho phép A2

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường								Ghi chú, nhận xét, khuyến nghị
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)	Độ dẫn (mS/cm)	
			<i>QCVN 08:2015 A1</i>	6 – 8.5		6		0.3	2		
			<i>QCVN 08:2015 A2</i>	6 – 8.5		5		0.3	5		
			<i>QCVN 08:2015 B1</i>	5.5 – 9		4		0.9	10		
			<i>QCVN 08:2015 B2</i>	5.5 – 9		2		0.9	15		
			vàng lục.								
2	Công Hữu Bị	Đánh giá nhanh chất lượng nước hệ thống kênh Hữu Bị tưới cho khu vực Huyện Mỹ Lộc và phần Bắc huyện Bình Lục.	Trời nắng nhẹ, t° = 22°C, độ ẩm 94%, gió ĐB 13 km/h, mật độ mây 81%. Công đóng, mực nước nội đồng và ngoài sông như nhau, TB không hoạt động. Nước màu vàng lục.	7.16	39.1	5.6	0.1	0.241	0.920	306	Giá trị các chỉ tiêu hiện trường nằm trong giới hạn cho phép A2
3	Công Cốc Thành	Đánh giá nhanh chất lượng nước hệ thống kênh Cốc thành tưới cho khu vực Huyện Vụ Bản.	Trời nắng nhẹ, t° = 20°C, độ ẩm 100%, gió TB 9 km/h, mật độ mây 85%. Công mở, đang tiêu nước ra sông, dòng chảy nhanh, trạm bơm không hoạt động. Nước màu vàng lục.	7.4	49.1	4.6	0.2	0.256	1.359	421	Giá trị các chỉ tiêu hiện trường nằm trong giới hạn cho phép B1
4	Công Sông Chanh	Đánh giá nhanh chất lượng nước hệ thống kênh tiêu sông Chanh và tưới bổ sung cho khu vực Nam huyện Vụ Bản.	Trời nắng nhẹ, t° = 22°C, độ ẩm 100%, gió TB 11 km/h, mật độ mây 86%. Công mở, đang tiêu nước ra sông, dòng chảy vừa. Nước màu vàng lục.	7.25	72.4	5.45	0.2	0.233	1.494	576	Giá trị các chỉ tiêu hiện trường nằm trong giới hạn cho phép A1
5	Công Nhâm Tràng	Đánh giá nhanh chất lượng nước hệ thống kênh tưới Nhâm Tràng, tưới cho Huyện Thanh Liêm	Trời nắng nhẹ, t° = 26°C, độ ẩm 68%, gió ĐB 16 km/h, mật độ mây 74%. Công đóng, mực nước	7.57	39.1	4.23	0.2	0.287	3.645	531	Giá trị các chỉ tiêu hiện trường nằm trong giới

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường								Ghi chú, nhận xét, khuyến nghị
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)	Độ dẫn (mS/cm)	
<i>QCVN 08:2015 A1</i>				6 – 8.5		6		0.3	2		
<i>QCVN 08:2015 A2</i>				6 – 8.5		5		0.3	5		
<i>QCVN 08:2015 B1</i>				5.5 – 9		4		0.9	10		
<i>QCVN 08:2015 B2</i>				5.5 – 9		2		0.9	15		
		và phần phía Bắc huyện Ý Yên, bổ sung nước vào hệ thống cuối kênh Như Trác.	nội đồng cao hơn ngoài sông, hạ lưu đập nhiều bèo, TB không hoạt động. Nước màu vàng lục.								hạn cho phép B1
6	Cổng Kinh Thanh	Đánh giá nhanh chất lượng nước hệ thống kênh tưới, tưới cho Huyện Thanh Liêm.	Trời nắng nhẹ, t° = 26°C, độ ẩm 68%, gió ĐB 17 km/h, mật độ mây 76%. Cổng đóng, mực nước nội đồng cao hơn ngoài sông, TB không hoạt động. Nước màu vàng lục.	7.5	52.6	4.74	0.2	0.171	2.543	481	Giá trị các chỉ tiêu hiện trường nằm trong giới hạn cho phép B1
7	Cổng Cổ Đam	Đánh giá nhanh chất lượng nước hệ thống kênh tưới Cổ Đam, tưới cho Huyện Ý Yên.	Trời nắng nhẹ, t° = 26°C, độ ẩm 69%, gió ĐB 18 km/h, mật độ mây 78%. Cổng đóng, mực nước nội đồng cao hơn ngoài sông, TB không hoạt động, đang sửa cống tiêu. Nước màu vàng lục.	7.17	43.2	5.31	0.2	0.140	1.915	462	Giá trị các chỉ tiêu hiện trường nằm trong giới hạn cho phép A1
8	Cổng Vĩnh Trị	Đánh giá nhanh chất lượng nước hệ thống kênh tưới, tiêu kết hợp, tưới cho Huyện Ý Yên và Huyện Vụ Bản.	Trời nắng nhẹ, t° = 25°C, độ ẩm 71%, gió ĐB 19 km/h, mật độ mây 75%. Cổng mở, đang tiêu nước ra sông, dòng	7.08	56.3	4.3	0.1	0.155	1.575	373	Giá trị các chỉ tiêu hiện trường nằm trong giới hạn cho phép B1

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường								Ghi chú, nhận xét, khuyến nghị
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)	Độ dẫn (mS/cm)	
		<i>QCVN 08:2015 A1</i>		6 – 8.5		6		0.3	2		
		<i>QCVN 08:2015 A2</i>		6 – 8.5		5		0.3	5		
		<i>QCVN 08:2015 B1</i>		5.5 – 9		4		0.9	10		
		<i>QCVN 08:2015 B2</i>		5.5 – 9		2		0.9	15		
			chảy vừa, trạm bơm không hoạt động. Nước màu vàng lục.								
9	Đầu kênh T3	Đánh giá nhanh chất lượng nước trên kênh T3 là kênh trực tiếp nhận nước thải dọc thành phố Nam Định, nhưng vẫn sử dụng để cấp cho tưới qua trạm bơm Cốc Thành.	Trời nắng nhẹ, t° = 21°C, độ ẩm 100%, gió TB 11 km/h, mật độ mây 89%. Dòng chảy chậm, về hướng sông Chanh. Nước màu vàng lục. Hai bờ có bờ.	7.71	48.8	4.24	0.1	0.117	1.184	401	Giá trị các chỉ tiêu hiện trường nằm trong giới hạn cho phép B1
10	Đầu kênh C9	Kiểm tra chất lượng nước hệ thống sông Chanh, tưới tiêu kết hợp cho huyện Ý Yên.	Trời nắng nhẹ, t° = 21°C, độ ẩm 100%, gió TB 11 km/h, mật độ mây 89%. Dòng chảy chậm từ hướng KCN Bảo Minh. Nước màu vàng lục.	7.02	59.6	5.17	0.3	0.280	1.586	791	Giá trị các chỉ tiêu hiện trường nằm trong giới hạn cho phép A1
11	Cầu đường 10 với sông Sắt	Đánh giá nhanh chất lượng nước hệ thống sông Sắt, tưới tiêu kết hợp cho phía Nam Huyện Ý Yên.	Trời nắng nhẹ, t° = 25°C, độ ẩm 71%, gió ĐB 19 km/h, mật độ mây 75%. Dòng chảy chậm hướng về Vĩnh Trị. Chân cầu nhiều rác thải sinh hoạt. Nước màu vàng lục.	7.04	54.1	4.72	0.1	0.124	1.897	351	Giá trị các chỉ tiêu hiện trường thấp hơn giới hạn cho phép B1
12	Đập An Bài (sông Châu	Đánh giá nhanh chất lượng nước hệ thống sông Sắt, tưới tiêu kết hợp cho Huyện	Trời nắng nhạt, t° = 24°C, độ ẩm 86%, gió ĐB 14 km/h, mật độ mây 83%.	7.34	39	4.32	0.2	0.319	0.974	430	Giá trị các chỉ tiêu hiện trường nằm trong giới

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường								Ghi chú, nhận xét, khuyến nghị
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)	Độ dẫn (mS/cm)	
QCVN 08:2015 A1				6 – 8.5		6		0.3	2		
QCVN 08:2015 A2				6 – 8.5		5		0.3	5		
QCVN 08:2015 B1				5.5 – 9		4		0.9	10		
QCVN 08:2015 B2				5.5 – 9		2		0.9	15		
	Giang)	Bình Lục.	Không có dòng chảy, cống đóng. Mực nước bên sông Châu Giang thấp hơn sông Sắt. Thượng lưu cống nhiều bèo. Nước màu vàng lục.								hạn cho phép B1
13	TB Triệu Xá (sông Châu Giang)	Đánh giá nhanh chất lượng nước hệ thống tưới tiêu kết hợp cho Huyện Bình Lục và Huyện thanh Liêm.	Trời nắng nhẹ, t° = 26°C, độ ẩm 71%, gió ĐB 21 km/h, mật độ mây 68%. Không có dòng chảy, cống đóng. Mực nước nội đồng cao hơn ngoài sông. TB không hoạt động. Nước màu xanh lục.	7.54	30.9	4.36	0.2	0.186	1.647	457	Giá trị các chỉ tiêu hiện trường nằm trong giới hạn cho phép B1
14	Đập La Chờ	Đánh giá nhanh chất lượng nước hệ thống, tưới tiêu kết hợp cho Huyện Mỹ Lộc.	Trời nắng nhẹ, t° = 22°C, độ ẩm 96%, gió TB 12 km/h, mật độ mây 84%. Dòng chảy chậm từ hướng kênh chính Tây về. Nước màu vàng lục. Chân đập có nhiều rác thải sinh hoạt.	7.1	47.5	5.1	0.1	0.179	1.154	374	Giá trị các chỉ tiêu hiện trường nằm trong giới hạn cho phép A1
15	Đầu kênh S48	Kiểm tra chất lượng nước hệ thống tưới, tiêu nông nghiệp và khu vực làng nghề mây tre đan huyện Ý Yên.	Trời nắng nhẹ, t° = 25°C, độ ẩm 71%, gió ĐB 18 km/h, mật độ mây 75%. Dòng chảy chậm về hướng ngã ba sông Sắt. Nước màu vàng	6.73	42.7	3.12	0.2	0.140	1.767	564	Giá trị DO thấp hơn so với giới hạn B1 cho phép của quy chuẩn

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường								Ghi chú, nhận xét, khuyến nghị
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)	Độ dẫn (mS/cm)	
<i>QCVN 08:2015 A1</i>				6 – 8.5		6		0.3	2		
<i>QCVN 08:2015 A2</i>				6 – 8.5		5		0.3	5		
<i>QCVN 08:2015 B1</i>				5.5 – 9		4		0.9	10		
<i>QCVN 08:2015 B2</i>				5.5 – 9		2		0.9	15		
			lục. Trên mặt kênh có rác thải sinh hoạt.								
16	Đập Vùa (CG12)	Đánh giá nhanh chất lượng nước hệ thống tưới cho Huyện Lý Nhân.	Trời nắng nhẹ, t° = 23°C, độ ẩm 90%, gió TB 14 km/h, mật độ mây 78%. Công đóng, không có dòng chảy, mực nước thấp. Nước màu vàng lục.	6.94	43.5	2.92	0.2	0.256	0.916	492	Giá trị DO thấp hơn so với giới hạn B1 cho phép của quy chuẩn
17	Cầu Chủ (sông Châu Giang)	Vị trí ô nhiễm do nhận nước thải các huyện Bình Lục, Lý Nhân.	Trời nắng nhẹ, t° = 24°C, độ ẩm 87%, gió ĐB 14 km/h, mật độ mây 83%. Không có dòng chảy, nước đứng. Nhận nước thải chăn nuôi xã Ngọc Lũ. Nước màu vàng lục.	7.06	45.6	3.67	0.2	0.264	0.972	448	Giá trị DO thấp hơn so với giới hạn B1 cho phép của quy chuẩn
18	Cầu Yên Trung (kênh Kinh Thủy)	Đánh giá nhanh chất lượng nước hệ thống tiêu Huyện Thanh Liêm. Vị trí ô nhiễm do nhận nước thải của huyện Thanh Liêm.	Trời nắng nhẹ, t° = 26°C, độ ẩm 69%, gió ĐB 18 km/h, mật độ mây 78%. Dòng chảy chậm hướng về Cỏ Đam, mực nước cao. Nước màu vàng lục.	7.18	42.6	4.86	0.2	0.163	1.852	483	Giá trị các chỉ tiêu hiện trường nằm trong giới hạn cho phép B1
19	Đầu kênh C19 (Kênh tiêu sông)	Đánh giá nhanh chất lượng nước thải từ KCN Bảo Minh, thành phố Nam Định với các ngành sản xuất: dệt, nhuộm, cơ	Trời nắng nhẹ, t° = 21°C, độ ẩm 100%, gió TB 11 km/h, mật độ mây 89%. Không có dòng chảy. Nước màu vàng lục.	7.31	44.6	5.5	0.4	0.241	1.782	959	Giá trị Amoni hiện trường vượt giới hạn cho phép A1

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường								Ghi chú, nhận xét, khuyến nghị
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)	Độ dẫn (mS/cm)	
<i>QCVN 08:2015 A1</i>				6 – 8.5		6		0.3	2		
<i>QCVN 08:2015 A2</i>				6 – 8.5		5		0.3	5		
<i>QCVN 08:2015 B1</i>				5.5 – 9		4		0.9	10		
<i>QCVN 08:2015 B2</i>				5.5 – 9		2		0.9	15		
	Chanh)	khí, chế biến gỗ, đồ điện.	Nhận nước thải KCN Bảo Minh.								
20	Đầu kênh T6	Nước thải TP. Nam Định nhưng vẫn được sử dụng tưới cho khu vực huyện Vụ Bản.	Trời nắng nhẹ, t° = 26°C, độ ẩm 70%, gió ĐB 19 km/h, mật độ mây 77%. Không có dòng chảy. Nước màu vàng lục. Hai bờ kênh có rác thải.	7.36	52	5.7	0.1	0.202	1.784	397	Giá trị các chỉ tiêu hiện trường nằm trong giới hạn cho phép A1

Ghi chú:

QCVN 08:2015 A1: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước mặt – giới hạn A1: Dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt (sau khi áp dụng xử lý thông thường), bảo tồn động thực vật thủy sinh và các mục đích khác như loại A2, B1, B2.

QCVN 08:2015 A2: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước mặt – giới hạn A2: Dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt nhưng phải áp dụng công nghệ xử lý phù hợp hoặc các các mục đích sử dụng như B1 và B2.

QCVN 08:2015 B1: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về chất lượng nước mặt – giới hạn B1: Dùng cho mục đích tưới tiêu thủy lợi hoặc các mục đích sử dụng khác có yêu cầu chất lượng tương tự hoặc các mục đích sử dụng như B2.

QCVN 08:2015 B2: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về chất lượng nước mặt – giới hạn B2: Giao thông thủy và các mục đích khác với yêu cầu nước chất lượng thấp.

Hà Nội, ngày 29 tháng 1 năm 2022

ĐƠN VỊ QUAN TRẮC